

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-10-2021
V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng
2. Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã

A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-DS ngày 28/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực L1, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Huỳnh Danh P, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N1, khu vực A1, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2021, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Chị và anh Huỳnh Danh P tổ chức cưới hỏi vào năm 2002, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy đăng ký kết hôn nhưng sau đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Tòa án nhân dân thị xã A đã giải quyết cho chị ly hôn với anh P theo Bản án số 245/2017/HNGĐ-ST ngày 27/9/2017. Sau đó, vợ chồng đã tự nguyện quay lại chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 12/02/2020 tại UBND phường N. Nhưng anh chị sống chung khoảng vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P tính nết bất nết, ham chơi với bạn bè,

cờ bạc, uống rượu bia và thường đánh đập chị. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định hiện không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Danh P.

Vợ chồng có 02 người con chung tên Huỳnh Trà M, sinh ngày: 25/12/2003 và tên Huỳnh Phú Q, sinh ngày: 04/3/2007. Hiện các con chung đang ở với anh P. Chị yêu cầu anh P tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung theo nguyện vọng của các con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đ từ nay cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 và các văn bản tố tụng khác bị đơn anh Huỳnh Danh P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc L tái kết hôn, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân và đã đến UBND phường N đăng ký kết hôn vào năm 2020. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn do anh đi làm thợ xây, thu nhập ít tiền nhưng ham chơi với bạn bè và uống rượu bia. Ngoài ra anh thừa nhận có khó tính với vợ khi vợ giao lưu với đồng nghiệp vì anh sợ vợ sa ngã, không chung thủy dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Trong lúc anh nóng giận cũng có đánh vợ. Cứ mỗi lần cãi nhau thì vợ nói sẽ ly hôn và gần đây có lần anh ký vào đơn ly hôn. Anh thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn có lỗi của anh và anh hứa cố gắng khắc phục. Từ đầu năm 2021, chị L đã bỏ nhà về phía cha mẹ ruột ở. Anh xác định hiện còn tình cảm với vợ nên không anh đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có hai người con chung gồm Huỳnh Trà M, sinh ngày: 25/12/2003 và Huỳnh Phú Q, sinh ngày: 04/3/2007. Hiện nay các con đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh đang làm nghề thợ xây, thu nhập trung bình mỗi tháng 6.000.000đ.

Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, tất cả các hoạt động tố tụng của Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, nguyên đơn chị L thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định nhưng bị đơn anh P đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng anh cố tình vắng mặt không chấp hành pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc L, cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Danh P.

Về con chung: Giao hai người con chung gồm Huỳnh Trà M, sinh ngày: 25/12/2003 và Huỳnh Phú Q, sinh ngày: 04/3/2007 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn, ghi nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi 02 người con mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mặt tố tụng:

Bị đơn anh Huỳnh Danh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do, theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung

[2.1.] Về hôn nhân: Theo bản án số 245/2017/HNGĐ-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A thì chị Nguyễn Thị Ngọc L đã ly hôn với Huỳnh Danh P, nhưng sau đó anh chị quay lại chung sống, tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND phường N nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đều xác định, mâu thuẫn vợ chồng do anh P, ham chơi với bạn bè thường uống rượu bia, ảnh hưởng kinh tế gia đình, anh chị luôn lời qua tiếng lại, anh P khó chịu khi chị giao lưu các đồng nghiệp ở nơi chị làm, anh còn nóng tính có vài lần đánh chị L. Chị đã tự bỏ nhà đi về phía gia đình chị ở. Anh chị không thông cảm chia sẻ nhau những công việc trong cuộc sống hàng ngày. Trước đây, Tòa giải quyết ly hôn cũng vì các nguyên nhân trên, khi kết hôn lại vợ chồng chỉ sống chung trong thời gian ngắn lại xung đột. Vợ chồng không còn còn quan hệ tình cảm từ tháng 7/2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh P không đồng ý ly hôn, anh thừa nhận có sai hứa sẽ sửa đổi nhưng qua lần hòa giải anh cũng không có phương hướng, kế hoạch để hàn gắn, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Qua phân tích mâu thuẫn vợ chồng thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh chị thật sự đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2.] Xét về yêu cầu nuôi con chung: Hiện 02 người con chung tên Huỳnh Trà M, sinh ngày: 25/12/2003 và tên Huỳnh Phú Q, sinh ngày: 04/3/2007 đang ở cùng anh P, anh cũng yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con. Theo lời trình bày của cháu M và cháu Q cũng mong muốn được ở với anh P. Tại phiên tòa hôm nay chị L cũng có yêu cầu theo nguyện vọng các con, giao 02 người con cho anh P chăm

sóc nuôi dưỡng sau ly hôn. Qua trên, HĐXX giao 02 người con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị L về tiền cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Huỳnh Trà M và tên Huỳnh Phú Q, mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng cho mỗi người con là phù hợp được quy định tại Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình. Còn về phương thức cấp dưỡng và thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con căn cứ theo Điều 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Chị L và anh P không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ.

[3] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Huỳnh Danh P.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn:

Giao hai người con chung tên Huỳnh Trà M, sinh ngày: 25/12/2003 và tên Huỳnh Phú Q, sinh ngày: 04/3/2007 cho anh Huỳnh Danh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn cho đến khi các con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Huỳnh Trà M và tên Huỳnh Phú Q với mức cấp dưỡng cho mỗi người con, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2021 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004866 ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Huỳnh Danh P vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND phường N;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Kiều Oanh